

Số: *3160* /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *27* tháng *11* năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của các sở, ban, ngành; doanh nghiệp nhà nước, các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3688/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh Thái Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của các sở, ban, ngành; doanh nghiệp nhà nước, các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên (*Có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo*).

Điều 2. Các cơ quan, đơn vị căn cứ vào Danh mục thủ tục hành chính đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết các thủ tục hành chính để Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tổ chức niêm yết công khai theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, doanh nghiệp nhà nước, các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /...*me*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Thái Nguyên;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, HCC.Trangnt.

CHỦ TỊCH



Vũ Hồng Bắc

Ký bởi: Văn phòng Ủy ban nhân dân
Cơ quan: Tỉnh Thái Nguyên
Ngày ký: 30-11-2020 10:00:50

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG

Thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý
của các sở, ban, ngành; doanh nghiệp nhà nước, các cơ quan ngành dọc
Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện tiếp nhận tại
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên
(Kèm theo Quyết định số: 3760 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2020
của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên đơn vị	Số TTHC thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm
1.	Sở Khoa học và Công nghệ	64
2.	Sở Xây dựng	55
3.	Sở Y tế	145
4.	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	100
5.	Sở Tư pháp	135
6.	Sở Giáo dục và Đào tạo	77
7.	Sở Thông tin và Truyền thông	42
8.	Sở Ngoại vụ	07
9.	Sở Nội vụ	81
10.	Sở Tài chính	25
11.	Sở Tài nguyên và Môi trường	79
12.	Sở Công Thương	117
13.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	84
14.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	128
15.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	117
16.	Sở Giao thông vận tải	112
17.	Công an tỉnh Thái Nguyên	11
18.	Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên	09
19.	Công ty Điện lực Thái Nguyên	03 dịch vụ
Tổng số thủ tục hành chính		1.397

DANH MỤC

Thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý
của các sở, ban, ngành; doanh nghiệp nhà nước, các cơ quan ngành dọc
Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện tiếp nhận tại

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên
(Kèm theo Quyết định số: 3760/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2020
của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH THUỘC UBND TỈNH THÁI NGUYÊN

STT	LĨNH VỰC/ TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (64 thủ tục hành chính)
1.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ
2.	Thay đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ
3.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ
4.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ
5.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ
6.	Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ
7.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ
8.	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ
9.	Thủ tục đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước
10.	Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh
11.	Thủ tục thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng

	đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.
12.	Thủ tục đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.
13.	Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp.
14.	Thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp
15.	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
16.	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước
17.	Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
18.	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
19.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)
20.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)
21.	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu
22.	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (cấp tỉnh)
23.	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến (cấp tỉnh)
24.	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ (cấp tỉnh)

25.	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ (cấp tỉnh)
26.	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ (cấp tỉnh)
27.	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (cấp tỉnh)
28.	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước
29.	Thủ tục xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ
30.	Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác
31.	Thủ tục yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, bộ, địa phương
32.	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước
33.	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ
34.	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)
35.	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)
36.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)
37.	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)
38.	Thủ tục cấp và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)
39.	Thủ tục phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp cơ sở (đối với công việc sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)

40.	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế
41.	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành
42.	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành
43.	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận
44.	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh
45.	Thủ tục cấp mới giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.
46.	Thủ tục cấp bổ sung giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.
47.	Thủ tục cấp lại giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.
48.	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng
49.	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng
50.	Thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ
51.	Thủ tục đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu
52.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân
53.	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận

54.	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định
55.	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp
56.	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển, xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia
57.	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu
58.	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu
59.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp
60.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp
61.	Thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)
62.	Thủ tục đề nghị chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)
63.	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)
64.	Thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)
II	LĨNH VỰC XÂY DỰNG (55 thủ tục hành chính)
1.	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh
2.	Thủ tục thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh
3.	Thủ tục cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh

4.	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc
5.	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc
6.	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề
7.	Thủ tục gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc
8.	Thủ tục công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam
9.	Thủ tục chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam
10.	Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C
11.	Thủ tục Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C
12.	Thủ tục Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (<i>quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3, điểm b khoản 5 Điều 10 của Nghị định 59/2015/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 4 Điều 1 Nghị định 42/2017/NĐ-CP, khoản 4 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP, khoản 4 Điều 1 Nghị định 42/2017/NĐ-CP</i>)
13.	Thủ tục Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (<i>quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP</i>)
14.	Thủ tục Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (<i>quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24, điểm b khoản 1 Điều 25, điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; khoản 9, 10 và 11 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP; khoản 1 Điều 9 Nghị định số 144/2016/NĐ-CP</i>)
15.	Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

16.	Thủ tục Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.
17.	Thủ tục Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
18.	Thủ tục Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.
19.	Thủ tục Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.
20.	Thủ tục Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.
21.	Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III
22.	Thủ tục Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài
23.	Thủ tục Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III
24.	Thủ tục Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III
25.	Thủ tục Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (đối với trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP)
26.	Thủ tục Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn)

27.	Thủ tục Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III do lỗi của cơ quan cấp
28.	Thủ tục Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III (về lĩnh vực hoạt động và hạng)
29.	Thủ tục Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III
30.	Thủ tục Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III
31.	Thủ tục Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng
32.	Thủ tục Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động
33.	Thủ tục Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin
34.	Thủ tục Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành
35.	Thủ tục Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP
36.	Thủ tục Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh quy định tại khoản 6 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP
37.	Thủ tục Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP
38.	Thủ tục Thẩm định giá bán, thuê mua, thế nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh.
39.	Thủ tục Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh

40.	Thủ tục Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước
41.	Thủ tục Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước
42.	Thủ tục Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước
43.	Thủ tục Gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài
44.	Thủ tục Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai dù điều kiện được bán, cho thuê mua
45.	Thủ tục Công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư
46.	Thủ tục Công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư
47.	Thủ tục Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư.
48.	Thủ tục Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.
49.	Thủ tục Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng hoặc do hết hạn (hoặc gần hết hạn)
50.	Thủ tục Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng
51.	Thủ tục Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh
52.	Thủ tục Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh
53.	Thủ tục Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị đặc biệt
54.	Thủ tục Lấy ý kiến của các sở: Quy hoạch kiến trúc, Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch đối với các dự án bảo tồn tôn tạo các công trình di tích cấp tỉnh
55.	Thủ tục Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh

III.	LĨNH VỰC Y TẾ (145 thủ tục hành chính)
1.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ y tế thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
2.	Cấp giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
3.	Cấp lại giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
4.	Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
5.	Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập
6.	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
7.	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
8.	Cấp giấy phép hoạt động đối với Nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
9.	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
10.	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn.
11.	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền
12.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám chữa bệnh
13.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm
14.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với trạm

	xá, trạm y tế cấp xã
15.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh
16.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc
17.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà
18.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả
19.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp
20.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
21.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
22.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Nhà Hộ Sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.
23.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
24.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.
25.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.
26.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế, bệnh viện tư nhân hoặc thuộc các Bộ khác (trừ các bệnh viện thuộc Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập
27.	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng
28.	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm
29.	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ

30.	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ
31.	Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
32.	Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
33.	Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh
34.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị mất hoặc hư hỏng chứng chỉ hành nghề hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 29 Luật Khám bệnh, chữa bệnh
35.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g khoản 1 Điều 29 Luật Khám bệnh, chữa bệnh
36.	Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm y tế cấp xã, trạm xá thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
37.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
38.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
39.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
40.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
41.	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất, hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền
42.	Đề nghị phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế
43.	Đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế
44.	Cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa

	bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
45.	Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
46.	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng
47.	Cho phép cá nhân trong nước, nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế
48.	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế
49.	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế
50.	Cho phép Đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đỏ lưu động tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế
51.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
52.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng
53.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo
54.	Cho phép áp dụng thí điểm kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh đối với kỹ thuật mới, phương pháp mới quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 07/2015/TT-BYT thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế
55.	Cho phép áp dụng chính thức kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế
56.	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT

57.	Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại khoản 4, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT
58.	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại khoản 5, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT
59.	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại khoản 6, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT
60.	Cấp lại Giấy chứng nhận là lương y thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
61.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
62.	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ
63.	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược
64.	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)
65.	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ
66.	Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)
67.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh dược mà có thay đổi điều kiện kinh doanh; thay đổi địa điểm kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)
68.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)

69.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)
70.	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động
71.	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt
72.	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh
73.	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
74.	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
75.	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc
76.	Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước
77.	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc
78.	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc
79.	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuốc một trong các trường hợp quy định tại các điểm c và d khoản 1 Điều 11 Thông tư 02/2018/TT-BYT
80.	Đánh giá đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc.
81.	Đánh giá đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với cơ sở kinh doanh không vì mục đích thương mại
82.	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc
83.	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuốc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 11 Thông tư 03/2018/TT-BYT

84.	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc
85.	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược
86.	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược
87.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm
88.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm
89.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm
90.	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước
91.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm
92.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng
93.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT
94.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo
95.	Công bố đủ điều kiện điều trị nghiệm chất dạng thuốc phiện
96.	Công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiệm chất dạng thuốc phiện khi có thay đổi về tên, địa chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự
97.	Công bố lại đối với cơ sở công bố đủ điều kiện điều trị nghiệm chất dạng thuốc phiện bằng phương thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất
98.	Công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị tạm đình chỉ
99.	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II
100.	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng
101.	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng
102.	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế

103.	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm
104.	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp
105.	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng
106.	Cấp lại thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng
107.	Thông báo hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS
108.	Cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
109.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
110.	Điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
111.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
112.	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi
113.	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi
114.	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi
115.	Khám giám định thương tật lần đầu do Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh thực hiện
116.	Khám giám định đối với trường hợp đã được xác định tỷ lệ tạm thời do Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh thực hiện.
117.	Khám giám định đối với trường hợp bổ sung vết thương do Trung Giám định Y khoa Thực hiện

118.	Khám giám định đối với trường hợp vết thương còn sót do Trung tâm Giám định Y khoa Thực hiện
119.	Khám giám định đối với trường hợp vết thương tái phát do Trung tâm Giám định Y khoa thực hiện
120.	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không đưa ra được kết luận về mức độ khuyết tật.
121.	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật
122.	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật
123.	Khám giám định đối với trường hợp Người khuyết tật có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác.
124.	Khám giám định đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác.
125.	Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định Y khoa đã ban hành biên bản khám giám định
126.	Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định Y khoa đã ban hành biên bản khám giám định
127.	Khám GDYK lần đầu đối với người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng
128.	Khám GDYK lần đầu đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định

	chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng
129.	Khám giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động
130.	Khám giám định lần đầu do bệnh nghề nghiệp
131.	Khám giám định để hưởng chế độ hưu trí đối với người lao động
132.	Khám giám định để hưởng chế độ tử tuất
133.	Khám giám định để xác định lao động nữ không đủ sức khỏe để chăm sóc con sau khi sinh hoặc sau khi nhận con do nhờ người mang thai hộ hoặc phải nghỉ dưỡng thai
134.	Khám giám định để hưởng bảo hiểm xã hội một lần
135.	Khám giám định lại đối với trường hợp tái phát tổn thương do tai nạn lao động.
136.	Khám giám định lại bệnh nghề nghiệp tái phát
137.	Khám giám định tổng hợp
138.	Đề nghị bổ nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
139.	Đề nghị miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
140.	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố
141.	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế
142.	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A
143.	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D
144.	Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế
145.	Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế loại B, C, D

IV	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (100 thủ tục hành chính)
1.	Thủ tục Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp
2.	Thủ tục Gửi thỏa ước lao động tập thể cấp doanh nghiệp
3.	Cấp giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động
4.	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động
5.	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động
6.	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động
7.	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động
8.	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu.
9.	Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II, hạng III).
10.	Thủ tục Thông báo về việc chuyển địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp hoạt động cho thuê lại lao động
11.	Thủ tục Báo cáo tình hình hoạt động cho thuê lại lao động
12.	Thủ tục Báo cáo về việc thay đổi người quản lý, người giữ chức danh chủ chốt của doanh nghiệp cho thuê lại lao động
13.	Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương do đại dịch COVID-19
14.	Hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc đối với người lao động phải ngừng việc do đại dịch COVID-19
15.	Thủ tục Thông báo việc tổ chức làm thêm từ 200 giờ đến 300 giờ trong một năm
16.	Thủ tục Đăng ký công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa
17.	Thủ tục Thông báo về việc tuyển dụng lần đầu người dưới 15 tuổi vào làm việc
18.	Thủ tục khai báo thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động

19.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động hạng A (đối với tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý)
20.	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động hạng A (đối với tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý)
21.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động hạng A (đối với tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý).
22.	Thông báo doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng A (đối với tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý).
23.	Khai báo tai nạn lao động
24.	Gửi biên bản điều tra tai nạn lao động của đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở
25.	Cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến vụ tai nạn lao động đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài
26.	Báo cáo tai nạn lao động của người sử dụng lao động
27.	Khai báo sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng
28.	Báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động của người sử dụng lao động
29.	Hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh nghề nghiệp; chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp
30.	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp
31.	Kiểm định các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động
32.	Thủ tục đăng ký Hợp đồng nhận lao động thực tập thời hạn dưới 90 ngày
33.	Thủ tục đăng ký Hợp đồng cá nhân
34.	Thủ tục đề nghị tất toán tài khoản ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi thực tập nâng cao tay nghề dưới 90 ngày

35.	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài
36.	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài
37.	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động
38.	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
39.	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
40.	Thu hồi giấy phép lao động
41.	Thủ tục thành lập Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập
42.	Thủ tục tổ chức lại, giải thể Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định
43.	Hỗ trợ hộ kinh doanh phải tạm ngừng kinh doanh do đại dịch COVID-19
44.	Hỗ trợ người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc do đại dịch COVID-19 nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp
45.	Hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm do đại dịch COVID-19
46.	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động Dịch vụ Việc làm cho doanh nghiệp hoạt động Dịch vụ Việc làm.
47.	Thủ tục Cấp lại giấy phép hoạt động Dịch vụ Việc làm cho doanh nghiệp hoạt động Dịch vụ Việc làm.
48.	Thủ tục Gia hạn giấy phép hoạt động Dịch vụ Việc làm cho doanh nghiệp hoạt động Dịch vụ Việc làm.
49.	Thủ tục Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động
50.	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

51.	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
52.	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
53.	Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
54.	Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
55.	Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
56.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp
57.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp
58.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp
59.	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
60.	Cho phép mở phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (tại các tỉnh, thành phố khác với tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính của trường trung cấp)
61.	Cho phép mở phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (trong cùng một tỉnh, thành phố với trụ sở chính của trường trung cấp).
62.	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
63.	Thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

64.	Thủ tục miễn nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
65.	Thủ tục cách chức chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
66.	Thủ tục bổ nhiệm hiệu trưởng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
67.	Thủ tục miễn nhiệm, cách chức hiệu trưởng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
68.	Thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện
69.	Thủ tục miễn nhiệm chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện
70.	Thủ tục cách chức chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện
71.	Thủ tục thành lập hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục
72.	Thủ tục bổ nhiệm hiệu trưởng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện
73.	Thủ tục công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục
74.	Thủ tục miễn nhiệm, cách chức hiệu trưởng trường trung cấp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện
75.	Thủ tục bổ nhiệm giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh
76.	Thủ tục công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục
77.	Thủ tục miễn nhiệm giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh; trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục
78.	Thủ tục cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh
79.	Thủ tục cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân
80.	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân

81.	Thủ tục cấp gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân
82.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân
83.	Thủ tục đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân
84.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy
85.	Thủ tục thay đổi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy
86.	Thủ tục gia hạn giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy
87.	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
88.	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
89.	Thủ tục công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật
90.	Thủ tục gia hạn quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật
91.	Thủ tục Giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ
92.	Thủ tục Giám định vết thương còn sót
93.	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh
94.	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động
95.	Thủ tục hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần
96.	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận người hưởng chính sách thương binh và trợ cấp thương tật (gọi chung là thương binh)
97.	Thủ tục Sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công.
98.	Thủ tục Đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ.
99.	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em
100.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em

V	LĨNH VỰC TƯ PHÁP (135 thủ tục hành chính)
1.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.
2.	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.
3.	Nhập quốc tịch Việt Nam
4.	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước
5.	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước
6.	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước
7.	Cấp giấy xác nhận là người gốc Việt Nam
8.	Thủ tục xác định cơ quan giải quyết bồi thường
9.	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại
10.	Thủ tục phục hồi danh dự
11.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam
12.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)
13.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)
14.	Cấp bản sao từ sổ gốc
15.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch
16.	Lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật
17.	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý
18.	Chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý
19.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý
20.	Cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý
21.	Cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý
22.	Cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý

23.	Giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý (<i>Trường hợp thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở Tư pháp</i>)
24.	Cấp Thẻ đấu giá viên
25.	Cấp lại Thẻ đấu giá viên
26.	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản
27.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản
28.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản
29.	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản
30.	Phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến
31.	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản
32.	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư
33.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư
34.	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên
35.	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh
36.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư
37.	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân
38.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài
39.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài
40.	Hợp nhất công ty luật
41.	Sáp nhập công ty luật
42.	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật
43.	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài
44.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam
45.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài

46.	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng
47.	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
48.	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác
49.	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác
50.	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng
51.	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng
52.	Từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự)
53.	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự
54.	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng
55.	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên
56.	Cấp lại Thẻ công chứng viên
57.	Xóa đăng ký hành nghề của công chứng viên
58.	Thành lập Văn phòng công chứng
59.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng
60.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng
61.	Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt)
62.	Thu hồi Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng
63.	Hợp nhất Văn phòng công chứng
64.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất
65.	Sáp nhập Văn phòng công chứng
66.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập
67.	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng

68.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng
69.	Chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập
70.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng được chuyển đổi từ Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập
71.	Thành lập Hội công chứng viên
72.	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật
73.	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật
74.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh
75.	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật
76.	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật
77.	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật
78.	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp
79.	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp
80.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp
81.	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp
82.	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp
83.	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp trường hợp Văn phòng giám định tư pháp chấm dứt hoạt động do bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động
84.	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp trường hợp Văn phòng giám định tư pháp tự chấm dứt hoạt động
85.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng
86.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất
87.	Bỏ nhiệm giám định viên tư pháp.
88.	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp

89.	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân
90.	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
91.	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
92.	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên
93.	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
94.	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc
95.	Đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác
96.	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại
97.	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại
98.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam
99.	Tự chấm dứt hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động
100.	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của Chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác
101.	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam
102.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quy định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài

103.	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác
104.	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác.
105.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam
106.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
107.	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác
108.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Tổ chức trọng tài tại nước ngoài tại Việt Nam
109.	Đăng ký tập sự hành nghề thừa phát lại
110.	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại
111.	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại
112.	Thành lập văn phòng Thừa phát lại
113.	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại
114.	Đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại
115.	Thay đổi nội dung Đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại
116.	Chuyển đổi loại hình Văn phòng Thừa phát lại
117.	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại
118.	Hợp nhất, sát nhập Văn phòng Thừa phát lại

119.	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại
120.	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại
121.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi của Văn phòng Thừa phát lại
122.	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất)
123.	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai
124.	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận
125.	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu
126.	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký
127.	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký
128.	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
129.	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở
130.	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
131.	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư
132.	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư
133.	Bổ nhiệm Thừa phát lại
134.	Miễn nhiệm Thừa phát lại (trường hợp được miễn nhiệm)
135.	Bổ nhiệm Thừa phát lại

VI	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (77 thủ tục hành chính)
1.	Đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên
2.	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục
3.	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục
4.	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại
5.	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông
6.	Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)
7.	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục
8.	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục
9.	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại
10.	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên
11.	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)
12.	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú
13.	Thủ tục cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục
14.	Thủ tục sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú
15.	Thủ tục giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (Theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)
16.	Thủ tục thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học
17.	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục

18.	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại
19.	Sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học
20.	Giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học (theo đề nghị của cá nhân tổ chức thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học)
21.	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục
22.	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại
23.	Giải thể trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)
24.	Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thục
25.	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm
26.	Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp sư phạm)
27.	Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp
28.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp
29.	Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp
30.	Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thục
31.	Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu trường trung cấp)
32.	Thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương hoặc lớp năng khiếu thể dục, thể thao thuộc trường trung học phổ thông
33.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
34.	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
35.	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại
36.	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa
37.	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa

38.	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia
39.	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục
40.	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia
41.	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục
42.	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục
43.	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia
44.	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên
45.	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên
46.	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ
47.	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông
48.	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học
49.	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục
50.	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh
51.	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số
52.	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người
53.	Phê duyệt liên kết giáo dục
54.	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục
55.	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết
56.	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
57.	Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
58.	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

59.	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
60.	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài
61.	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
62.	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
63.	Xét, cấp học bổng chính sách
64.	Đề nghị phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài
65.	Thủ tục thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên
66.	Thủ tục cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động giáo dục trở lại giáo dục trở lại
67.	Thủ tục sáp nhập, chia tách trung tâm giáo dục thường xuyên
68.	Thủ tục giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên
69.	Thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thục
70.	Tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập
71.	Giải thể trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)
72.	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin
73.	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú
74.	Đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy
75.	Công nhận văn bằng tốt nghiệp các cấp học phổ thông do cơ sở nước ngoài cấp
76.	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ
77.	Công nhận văn bằng tốt nghiệp các cấp học phổ thông do cơ sở nước ngoài cấp

VII	LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG (42 thủ tục hành chính)
1.	Cấp giấy phép Bưu chính
2.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính
3.	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn
4.	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được
5.	Cấp văn bản xác nhận văn bản thông báo hoạt động bưu chính
6.	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được
7.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
8.	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
9.	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
10.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
11.	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh
12.	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh
13.	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
14.	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
15.	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
16.	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
17.	Thông báo thay đổi chủ sở hữu, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
18.	Thông báo thay đổi địa chỉ trụ sở chính, văn phòng giao dịch, địa chỉ đặt hoặc cho thuê máy chủ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng
19.	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử G1 trên mạng do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên

20.	Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được phê duyệt
21.	Thông báo thay đổi tên miền khi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên trang thông tin điện tử (trên Internet), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động); thể loại trò chơi (G2, G3, G4); thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng
22.	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên
23.	Trung bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan nước ngoài, tổ chức nước ngoài
24.	Cấp Giấy phép xuất bản bản tin
25.	Thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin
26.	Cho phép hợp báo (trong nước)
27.	Cho phép hợp báo (nước ngoài)
28.	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh
29.	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm
30.	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm
31.	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm
32.	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài
33.	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh
34.	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm
35.	Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm
36.	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm
37.	Cấp giấy phép hoạt động in
38.	Cấp lại giấy phép hoạt động in
39.	Đăng ký hoạt động cơ sở in
40.	Thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in
41.	Đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu
42.	Chuyển nhượng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu

VIII	LĨNH VỰC NGOẠI VỤ (07 thủ tục hành chính)
1.	Thủ tục xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của Doanh nhân APEC (ABTC)
2.	Thủ tục cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ
3.	Thủ tục cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ
4.	Thủ tục Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ
5.	Thủ tục Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ
6.	Thủ tục chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ, tài liệu tại các cơ quan ở trong nước
7.	Thủ tục xuất trình giấy tờ, tài liệu tại các cơ quan ở trong nước
XIX	LĨNH VỰC NỘI VỤ (81 thủ tục hành chính)
1.	Thủ tục Thẩm định thành lập mới đơn vị sự nghiệp công lập
2.	Thủ tục Thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập
3.	Thủ tục Thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập
4.	Thủ tục Công nhận Ban Vận động thành lập Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, hoạt động trong lĩnh vực ngành Nội vụ
5.	Thủ tục Cho phép thành lập Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện
6.	Thủ tục Phê duyệt Điều lệ Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện
7.	Thủ tục Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện
8.	Thủ tục Đổi tên hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện
9.	Thủ tục Tự giải thể đối với hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện
10.	Thủ tục Báo cáo tổ chức Đại hội nhiệm kỳ và Đại hội bất thường của hội có hoạt động trong tỉnh, huyện
11.	Thủ tục Đặt văn phòng đại diện hội có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh

12.	Thủ tục Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện; xã (đối với quỹ có cá nhân, tổ chức người nước ngoài góp tài sản để thành lập)
13.	Thủ tục Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện; xã (đối với quỹ có cá nhân, tổ chức người nước ngoài góp tài sản để thành lập)
14.	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện, xã (đối với quỹ có cá nhân, tổ chức người nước ngoài góp tài sản để thành lập)
15.	Thủ tục Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện; xã (đối với quỹ có cá nhân, tổ chức người nước ngoài góp tài sản để thành lập)
16.	Thủ tục Cho phép quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện; xã (đối với quỹ có cá nhân, tổ chức người nước ngoài góp tài sản để thành lập) hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động
17.	Thủ tục Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện; xã (đối với quỹ có cá nhân, tổ chức người nước ngoài góp tài sản để thành lập).
18.	Thủ tục Đổi tên quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện; xã (đối với quỹ có cá nhân, tổ chức người nước ngoài góp tài sản để thành lập).
19.	Thủ tục Quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện; xã (đối với quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản để thành lập) tự giải thể
20.	Thủ tục thi tuyển công chức
21.	Thủ tục xét tuyển công chức
22.	Thủ tục tiếp nhận các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức
23.	Thủ tục xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên
24.	Thủ tục thi nâng ngạch công chức
25.	Thủ tục thi tuyển viên chức
26.	Thủ tục xét tuyển viên chức
27.	Thủ tục xét tuyển đặc cách viên chức
28.	Thủ tục thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức
29.	Thủ tục thẩm định thành lập thôn mới, thôn tổ dân phố
30.	Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã

31.	Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh
32.	Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh
33.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh
34.	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp tỉnh
35.	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh
36.	Thủ tục tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”
37.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề
38.	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề
39.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh về thành tích đợt xuất
40.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh cho gia đình
41.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh về thành tích đối ngoại
42.	Thủ tục xét, tôn vinh danh hiệu “Doanh nhân tiêu biểu” tỉnh Thái Nguyên
43.	Thủ tục xét, tôn vinh danh hiệu “Doanh nghiệp xuất sắc” tỉnh Thái Nguyên
44.	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
45.	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
46.	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
47.	Thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích
48.	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam
49.	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh
50.	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh
51.	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
52.	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc

53.	Thủ tục thông báo thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc
54.	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
55.	Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương
56.	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức
57.	Thủ tục thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức
58.	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP
59.	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
60.	Thủ tục thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
61.	Thủ tục thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
62.	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
63.	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
64.	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
65.	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
66.	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo

67.	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
68.	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
69.	Thủ tục thông báo chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành
70.	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
71.	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
72.	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo
73.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh
74.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh
75.	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh
76.	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh
77.	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh
78.	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh
79.	Thủ tục cấp bản sao và chứng thực lưu trữ
80.	Thủ tục cấp, cấp lại, bổ sung lĩnh vực hành nghề của chứng chỉ hành nghề lưu trữ
81.	Thủ tục phục vụ việc sử dụng tài liệu của độc giả tại phòng đọc

X	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH (25 thủ tục hành chính)
1.	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư
2.	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị
3.	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công
4.	Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư
5.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản nhà nước
6.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định điểm a,b,c,d,d và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công
7.	Quyết định điều chuyển tài sản công
8.	Quyết định bán tài sản công
9.	Quyết định thanh lý tài sản công
10.	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công
11.	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê
12.	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết
13.	Mua quyền hoán đơn
14.	Mua hóa đơn lẻ
15.	Thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước
16.	Thủ tục chi thưởng đối với tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên
17.	Thủ tục thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên nhưng không xác định được chủ sở hữu

18.	Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ
19.	Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp
20.	Thanh toán chi phí liên quan đến bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất
21.	Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi cấp tỉnh
22.	Quyết định giá thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh
23.	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ ngân sách
24.	Thủ tục quyết toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp thủy sản
25.	Kê khai, thẩm định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải
XI	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (79 Thủ tục hành chính)
1.	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/ Thẩm định, phê duyệt lại báo cáo đánh giá tác động môi trường
2.	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án
3.	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP sửa đổi bổ sung bởi Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP)
4.	Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản
5.	Đăng ký/dăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường
6.	Chấp thuận về môi trường đối với đề nghị điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt
7.	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án
8.	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại
9.	Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại

10.	Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ
11.	Cấp giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học
12.	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch
13.	Chấp thuận tiến hành khảo sát tại thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản
14.	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình
15.	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản
16.	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt
17.	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản
18.	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản
19.	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản
20.	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản
21.	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản
22.	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.
23.	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.
24.	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản
25.	Đóng cửa mỏ khoáng sản
26.	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
27.	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
28.	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

29.	Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đối với trường hợp Giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp trước ngày Nghị định 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực)
30.	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước 01/7/2004
31.	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo
32.	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao
33.	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao
34.	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao
35.	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép cơ quan có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
36.	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
37.	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý
38.	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
39.	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ

	pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận
40.	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề
41.	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế
42.	Tách thửa hoặc hợp thửa đất <i>(đối với tổ chức sử dụng đất)</i>
43.	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất <i>(đối với tổ chức sử dụng đất)</i>
44.	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp
45.	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện
46.	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu
47.	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
48.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất
49.	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp
50.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở
51.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
52.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài

	sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tặng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận <i>(đối với tổ chức sử dụng đất)</i>
53.	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm
54.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp
55.	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất
56.	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất <i>(đối với tổ chức sử dụng đất)</i>
57.	Đăng ký đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền <i>(đối với tổ chức sử dụng đất)</i>
58.	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất
59.	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm
60.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm
61.	Cấp giấy phép, khai thác sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm
62.	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng nước dưới 3.000 m ³ /ngày đêm
63.	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2 m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho

	mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m ³ /ngày đêm
64.	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2 m ³ /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ / ngày đêm; gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m ³ / ngày đêm
65.	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000 m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác
66.	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000 m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác
67.	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ
68.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ
69.	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước
70.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép trước ngày Nghị định số 82/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành
71.	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước
72.	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ
73.	Lấy ý kiến cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh
74.	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi
75.	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
76.	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
77.	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
78.	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ
79.	Cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II

XII	LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG (117 thủ tục hành chính)
1.	Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện
2.	Cấp lại thẻ an toàn điện
3.	Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện
4.	Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương
5.	Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương trường hợp bị mất thẻ hoặc bị hỏng thẻ
6.	Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương
7.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương
8.	Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương
9.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương
10.	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương
11.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương
12.	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV tại địa phương
13.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV tại địa phương
14.	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
15.	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
16.	Thông báo hoạt động khuyến mại

17.	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại
18.	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam
19.	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam
20.	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại
21.	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại
22.	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động
23.	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ
24.	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ
25.	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini
26.	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại
27.	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²
28.	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ
29.	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)
30.	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)
31.	Cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP
32.	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
33.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

34.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP
35.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường, vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí
36.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn
37.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa
38.	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
39.	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
40.	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
41.	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
42.	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
43.	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
44.	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
45.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)
46.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)
47.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)
48.	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
49.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

50.	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
51.	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương
52.	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương
53.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương
54.	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
55.	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
56.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
57.	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
58.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
59.	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
60.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá
61.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá
62.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá
63.	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá
64.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá
65.	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá
66.	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
67.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
68.	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
69.	Đăng ký Hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương
70.	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

71.	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
72.	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
73.	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp
74.	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa
75.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
76.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
77.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
78.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
79.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
80.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
81.	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
82.	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
83.	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ
84.	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ
85.	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
86.	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
87.	Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

88.	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210m ³ đến dưới 5.000m ³
89.	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m ³
90.	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m ³
91.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG
92.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG
93.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG
94.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
95.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
96.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
97.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn
98.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn
99.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn
100.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải
101.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải
102.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải
103.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG
104.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG
105.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG
106.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải

107.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải
108.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải
109.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG
110.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG
111.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG
112.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải
113.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải
114.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải
115.	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh
116.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện
117.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện
XIII	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (84 thủ tục hành chính)
1.	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón
2.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón
3.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón
4.	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật
5.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
6.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

7.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật
8.	Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật
9.	Công nhận nghề truyền thống
10.	Công nhận làng nghề
11.	Thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết khu, điểm tái định cư
12.	Hỗ trợ dự án liên kết
13.	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu
14.	Kiểm tra an toàn thực phẩm muối nhập khẩu
15.	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập
16.	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức
17.	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II, III CITES
18.	Phê duyệt khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên
19.	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp
20.	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)
21.	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác
22.	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh
23.	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng
24.	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ
25.	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của quỹ
26.	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vò
27.	Cấp đổi phiếu kiểm soát thu hoạch sang giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vò

28.	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản
29.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản
30.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (Trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận ATTP hết hạn)
31.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy chứng nhận ATTP)
32.	Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)
33.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp chứng chỉ hành nghề thú y)
34.	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y
35.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y
36.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký)
37.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y
38.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn
39.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)
40.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại
41.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn
42.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản
43.	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản)
44.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận

45.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận
46.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận
47.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
48.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
49.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
50.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: trồng cây lâu năm; hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.
51.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: xây dựng công trình mới; lập bản, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
52.	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
53.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
54.	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh
55.	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
56.	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh

57.	Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
58.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: xây dựng công trình mới; lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
59.	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý
60.	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý
61.	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
62.	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
63.	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh
64.	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.
65.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.
66.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.
67.	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.
68.	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ).
69.	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài).

70.	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)
71.	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực)
72.	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng
73.	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên
74.	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính
75.	Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
76.	Cấp lại giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
77.	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
78.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng
79.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng
80.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn
81.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn
82.	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh
83.	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ
84.	Điều chỉnh văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ

XIV	LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH (128 thủ tục hành chính)
1.	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia
2.	Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương
3.	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập
4.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập
5.	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp
6.	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia
7.	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích
8.	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật
9.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật
10.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật
11.	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích
12.	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích
13.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích
14.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích
15.	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim
16.	Cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)
17.	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)
18.	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

19.	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ
20.	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng
21.	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
22.	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
23.	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm(thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
24.	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại
25.	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại
26.	Thủ tục cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài
27.	Thủ tục cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại
28.	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại
29.	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương
30.	Thủ tục cấp giấy phép cho phép tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang
31.	Thủ tục cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương
32.	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương
33.	Thủ tục cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương
34.	Thủ tục thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu
35.	Thủ tục chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu
36.	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh

37.	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh
38.	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh
39.	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường
40.	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh
41.	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường
42.	Thủ tục công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”
43.	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn
44.	Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo
45.	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam
46.	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam
47.	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam
48.	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
49.	Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh
50.	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh
51.	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu cấp tỉnh
52.	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp
53.	Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 2.000 bản trở lên
54.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
55.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình(thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

56.	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình(thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
57.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình(thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
58.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
59.	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình(thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
60.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình
61.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình
62.	Thủ tục cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình
63.	Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình
64.	Thủ tục cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình
65.	Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình
66.	Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ
67.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp
68.	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao
69.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận
70.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng
71.	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức
72.	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức
73.	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

74.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga
75.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf
76.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông
77.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo
78.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate
79.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn
80.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker
81.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn
82.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay
83.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao
84.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ
85.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo
86.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness
87.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân sư rồng
88.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí
89.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh
90.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, môn Vovinam

91.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá
92.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt
93.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin
94.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao
95.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném
96.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu
97.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao
98.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ
99.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao
100.	Thủ tục công nhận điểm du lịch cấp tỉnh
101.	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa
102.	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa
103.	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa
104.	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành
105.	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể
106.	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản
107.	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài
108.	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm
109.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế

110.	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài
111.	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện
112.	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy
113.	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài
114.	Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài
115.	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế
116.	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa
117.	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa
118.	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch
119.	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh
120.	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
121.	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
122.	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
123.	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
124.	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
125.	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch
126.	Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch
127.	Thủ tục cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch
128.	Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch

XV	LĨNH VỰC SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ (117 thủ tục hành chính)
1.	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân
2.	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên
3.	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên
4.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần
5.	Đăng ký thành lập công ty hợp danh
6.	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
7.	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
8.	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh
9.	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần
10.	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
11.	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên
12.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức
13.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước
14.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế
15.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
16.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp

17.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác
18.	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích
19.	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác
20.	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
21.	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân
22.	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần .
23.	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết
24.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế
25.	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
26.	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
27.	Thông báo sử dụng, thay đổi, hủy mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
28.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
29.	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
30.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)

31.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động
32.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
33.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
34.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
35.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
36.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
37.	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng
38.	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)
39.	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân
40.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp
41.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp
42.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp
43.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp
44.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp
45.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp

46.	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)
47.	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)
48.	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần
49.	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
50.	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
51.	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn
52.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh
53.	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo
54.	Giải thể doanh nghiệp
55.	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án
56.	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh
57.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
58.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế
59.	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp
60.	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp
61.	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã
62.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
63.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã
64.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
65.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia
66.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách

67.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất
68.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập
69.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)
70.	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã
71.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã
72.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã
73.	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
74.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
75.	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã
76.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất
77.	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do nhà đầu tư đề xuất
78.	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề xuất
79.	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất
80.	Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với Dự án sân gôn thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (Đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
81.	Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với Dự án sân gôn thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (Đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
82.	Thủ tục quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
83.	Thủ tục quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
84.	Thủ tục quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

85.	Thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
86.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
87.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
88.	Thủ tục điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
89.	Thủ tục điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)
90.	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
91.	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ
92.	Thủ tục chuyển nhượng dự án đầu tư
93.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế
94.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài
95.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
96.	Thủ tục hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
97.	Thủ tục nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
98.	Thủ tục giãn tiến độ đầu tư
99.	Thủ tục tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư
100.	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư
101.	Thủ tục thành lập Văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
102.	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC

103.	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương
104.	Thủ tục cung cấp thông tin về dự án đầu tư
105.	Thủ tục bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư
106.	Thủ tục góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài
107.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
108.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
109.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
110.	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản
111.	Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách chung do Ủy ban nhân dân tỉnh làm cơ quan chủ quản
112.	Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách có mục tiêu
113.	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản
114.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại
115.	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng
116.	Xác nhận chuyên gia
117.	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm

XVI	LĨNH VỰC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI (112 thủ tục hành chính)
1.	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác.
2.	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác
3.	Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ đang khai thác đối với đoạn, tuyến quốc lộ thuộc phạm vi được giao quản lý.
4.	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đấu nối vào quốc lộ
5.	Gia hạn Chấp thuận chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đấu nối vào quốc lộ
6.	Cấp phép thi công xây dựng công trình xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác
7.	Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia
8.	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia
9.	Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác
10.	Xóa sổ đăng ký xe máy chuyên dùng
11.	Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô
12.	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo
13.	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác
14.	Cấp mới giấy phép lái xe
15.	Cấp lại giấy phép lái xe
16.	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam

17.	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp
18.	Đổi Giấy phép lái xe do ngành công an cấp
19.	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp
20.	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp
21.	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
22.	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
23.	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác
24.	Cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động
25.	Cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động
26.	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ
27.	Cấp giấy phép xe tập lái
28.	Cấp lại giấy phép xe tập lái
29.	Cấp phép thi công công trình đường bộ trên quốc lộ đang khai thác
30.	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ
31.	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác
32.	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác
33.	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút đầu nối tạm thời có thời hạn vào quốc lộ
34.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
35.	Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế
36.	Cấp Giấy phép lái xe quốc tế
37.	Công bố đưa công trình đường cao tốc vào khai thác
38.	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trên đường cao tốc
39.	Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác
40.	Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác

41.	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chờ hành khách và xe ô tô
42.	Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chờ hành khách và xe ô tô
43.	Cấp giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam
44.	Cấp lại giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam
45.	Cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện
46.	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện
47.	Gia hạn Giấy phép liên vận Việt - Lào và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào
48.	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia
49.	Gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam cho phương tiện của Campuchia tại Việt Nam
50.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
51.	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
52.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
53.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn
54.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng
55.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất
56.	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố
57.	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh; thành phố Trung ương
58.	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến
59.	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô
60.	Đăng ký khai thác tuyến
61.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng

62.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng
63.	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (Kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; Kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo rơ moóc hoặc xe sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải).
64.	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (Kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; Kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo rơ moóc hoặc xe sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải).
65.	Chấp thuận thiết kế và cấp giấy phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường đang khai thác.
66.	Chấp thuận thiết kế và cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường đang khai thác.
67.	Chấp thuận thiết kế và cấp giấy phép thi công xây dựng công trình biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi đất dành cho đường đang khai thác.
68.	Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh
69.	Cấp giấy phép thi công nút giao đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh
70.	Đầu nối tạm có thời hạn vào đường tỉnh đang khai thác.
71.	Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa
72.	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa
73.	Công bố lại cảng thủy nội địa
74.	Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa
75.	Công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa đối với đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương
76.	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương
77.	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương
78.	Chấp thuận phương án đảm bảo an toàn giao thông đối với các công trình thi công liên quan đến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương

79.	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương
80.	Công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương
81.	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa địa phương
82.	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp thi công công trình trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa địa phương
83.	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa
84.	Thông báo thường xuyên, đột xuất luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương
85.	Dự thi, kiểm tra lấy giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba, chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề) và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc Sở Giao thông vận tải
86.	Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề), chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải
87.	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung
88.	Thông báo lần đầu, định kỳ luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương
89.	Chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa hết tuổi thọ thiết kế
90.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa
91.	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa
92.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa
93.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật

94.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
95.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
96.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác
97.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
98.	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
99.	Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa
100.	Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa
101.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa
102.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa
103.	Cấp Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang
104.	Gia hạn Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang
105.	Bãi bỏ đường ngang
106.	Cấp Giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt
107.	Gia hạn Giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt
108.	Chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt
109.	Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt
110.	Gia hạn Giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt
111.	Chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang (đối với đường sắt có tốc độ thiết kế nhỏ hơn 100 km/giờ giao nhau với đường bộ; đường sắt giao nhau với đường bộ từ cấp IV trở xuống)
112.	Cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC, CÁC CƠ QUAN
NGÀNH DỤC TRUNG ƯƠNG ĐÓNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN**

STT	LĨNH VỰC/ TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	CÔNG AN TỈNH THÁI NGUYÊN (11 thủ tục hành chính)
	Lĩnh vực cấp, quản lý chứng minh nhân dân
1	Cấp Chứng minh nhân dân
2	Đổi Chứng minh nhân dân
3	Cấp lại Chứng minh nhân dân
	Lĩnh vực đăng ký, quản lý con dấu
1	Giải quyết thủ tục làm con dấu mới và cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu
2	Giải quyết thủ tục làm con dấu thứ hai và cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu
3	Giải quyết thủ tục làm lại con dấu thứ hai và cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu
4	Giải quyết thủ tục làm con dấu thu nhỏ, dấu nổi, dấu xi và cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu
5	Đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu
	Lĩnh vực quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để kinh doanh một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện
2	Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để kinh doanh một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để kinh doanh một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện
II	BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH THÁI NGUYÊN (09 thủ tục hành chính)
	Lĩnh vực thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp
1	Đăng ký, điều chỉnh đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế
2	Đăng ký đóng, cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với người chi tham gia bảo hiểm y tế
3	Đăng ký, đăng ký lại, điều chỉnh đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện; cấp sổ bảo hiểm xã hội

STT	LĨNH VỰC/ TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
	Lĩnh vực thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội
1	Giải quyết hưởng chế độ thai sản (Thực hiện đối với trường hợp người lao động thôi việc trước thời điểm sinh con, nhận con, nhận nuôi con nuôi)
2	Giải quyết di chuyển đối với người đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng và người chờ hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng từ tỉnh này đến tỉnh khác
3	Giải quyết hưởng tiếp lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng đối với người chấp hành xong hình phạt tù, người xuất cảnh trái phép trở về nước định cư hợp pháp, người được Tòa án hủy quyết định tuyên bố mất tích
4	Giải quyết hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 613/QĐ-TTg
5	Giải quyết hưởng trợ cấp đối với nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu theo Quyết định số 52/2013/QĐ-TTg
	Lĩnh vực Cấp sổ, thẻ
1	Cấp lại, đổi, điều chỉnh thông tin trên sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế (<i>Thực hiện đối với trường hợp cấp lại sổ bảo hiểm xã hội do mất, hỏng; cấp lại, đổi thẻ bảo hiểm y tế</i>)
III	CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN (03 dịch vụ)
1	Dịch vụ cấp điện từ lưới điện hạ áp
2	Dịch vụ cấp điện mới trung áp
3	Dịch vụ trong quá trình thực hiện hợp đồng:
3.1	Thay đổi công suất sử dụng điện/ thay đổi loại công tơ 01 pha, 03 pha
3.2	Thay đổi chủ thể hợp đồng mua bán điện
3.3	Thay đổi định mức sử dụng điện
3.4	Thay đổi mục đích sử dụng điện
3.5	Thay đổi vị trí thiết bị đo đếm
3.6	Cấp điện trở lại cho khách hàng
3.7	Thay đổi hình thức thanh toán tiền điện
3.8	Báo sự cố mất điện
3.9	Thanh toán tiền điện
3.10	Thay đổi thông tin đã đăng ký
3.11	Gia hạn hợp đồng mua bán điện
3.12	Chấm dứt hợp đồng mua bán điện
3.13	Kiểm tra công tơ và thiết bị đo đếm